TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**168**/2022/HSST
Ngày:27-9- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*BàVũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Bùi Thị Thanh Huyền;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- ***Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà***:Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày27tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:165/2022/TLST-HS ngày 09tháng 9năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:162/2022/QĐXXST-HS ngày13tháng9năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo:**Vàng Thị D**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1983 tại tỉnhĐiện Biên; nơi cư trú: Bản L, xã M, thành phố, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:Mông; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không (*nghe và nói thành thạo tiếng phổ thông*); con ông: Vàng A S và bà Cứ Thị M; chồng: Giàng A L, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Năm 2017 bị xử phạt 06 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 114/2017/HS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2021; tiền sự:Không; nhân thân: Ngoài tiền án trên, chưa bị xử lý vi phạm gì;bị tạm giữ từ ngày03/6/2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay - Có mặt.

2. Bị cáo:**Lò Văn T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1982 tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Bản Đ, xã P, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không (*nghe và nói thành thạo tiếng phổ thông*); con ông: Lò Văn Ơ và bà: Lò Thị Ấ; vợ: Lò Thị D; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003 và nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2011 bị đưa vào cơ sở giáo

dục bắt buộc 24 tháng,năm 2013 chấp hành xong;bị tạm giữ từ ngày 03/6/2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của cácbị cáo:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/6/2022, bị cáo Lò Văn T đi bộ đến nhà bị cáo Vàng Thị D ởLọng Luông 1, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên phủmua 100.000 đồng Heroine để sử dụng; D nhận tiền và đưa cho T 01 gói bằng nilon trắng, bên trong gồm 03 gói nhỏ bằng nilon và giấy bạc có chứa các cục chất bột màu trắng đục. Khi T chuẩn bị về thì bị Công an thành phố Điện Biên Phủ phát hiện, thu giữ 100.000 đồng của D và toàn bộsố chất bột màu trắng T vừa mua; các bị cáo đều khai số chất bột màu trắng này là Heroine D đã bán cho T.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại giường ngủ của D01 viên nén mầu hồng; D khai đó là Hồng phiến, Dcất giữ để sử dụng. Heroine và Hồng phiến D mua của một người đàn ông không quen biết ở ngoài đường thuộc bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên phủ với giá 80.000 đồng để sử dụng và bán kiếm lời.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa,các bị cáokhai nhận hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túycủa mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Cơ quan điều tra đã gửi toàn bộ số chất bột màu trắng thu giữ của T và viên nén màu hồng thu giữ của D đi giám định. Kết luận giám định số767/KL-KTHSngày 11/6/2022của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của T có tổng khối lượng 0,41 gam; là chất ma túy loại Heroine.Viên nén mầu hồng thu giữ của D có khối lượng0,1 gam; là chất ma túy loạiMethamphetamine. Sau giám định hoàn lại 0,33 gam Heroine và 0,06 gam Methamphetamine.Heroine và Methamphetamine là các chấtnằm trong danh mục các chất ma túy theo số thứ tự 09, mục IA, danh mục I và số thứ tự 323, mục IIC, danh mục II Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, cácbị cáo không khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

3.Cáo trạng số119/CT-VKSTPĐBP ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theokhoản 1 Điều 251 BLHS và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; truy tố bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại Dện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bốbị cáo D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng Điều 38,khoản 1 Điều 251, điểms khoản 1Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52BLHS: Xử phạt bị cáoD từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chịu 03 năm 06 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

- Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1Điều 51BLHS: Xử phạt bị cáoT từ đến 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; vật chứng còn lại sau giám địnhtịch thu để hủy; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng do bị cáo D phạm tội mà có; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T, bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án:

- Bị cáo D không có ý kiến gì.

- Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn án phí vì ở vùng khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáotrong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định:Ngày 03/6/2022 tại bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên phủ; bị cáo Vàng Thị D đã bán trái phép cho bị cáo Lò Văn T 0,41gam Heroine với số tiền 100.000 đồng; ngoài ra bị cáo D còn cất giữ trái phép 0,1 gam Methamphetamine để sử dụng. Bị cáoT mua Heroine để sử dụng, nhưng chưa sử dụng thì bị bắt giữ và lập biên bản vào lúc 11 giờ ngày 03/6/2022.

Khoản 1 Điều 251 BLHS quy định:*"Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"*.

Điều 249 BLHS quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...c) Heroine...Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam".

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; hành vi củabị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; hành vi củabị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo các điều luật đã viện dẫn trên.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng,giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bịcáo phạm tội thuộc trường hợpnghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà nguyên nhânlà do cácbị cáo thiếuý thứcchấp hành pháp luật,sử dụng ma tuý trái phép;riêng bị cáo D có động cơ vụ lợi khi bán trái phép ma túy.

Bị cáo D đã một lần bị phạt tù về tội phạm ma túy chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo T đã một lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, bị cáo đã chấp hành xong từ năm 2013 và thuộc trường hợp được coi như chưa bị xử lý vi phạmhành chính.HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, để giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo.Mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Đại Dện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với từng bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[3]Về hình phạt bổ sung: Theokhoản 5 Điều 251 BLHS và khoản 5 Điều 249 BLHSthì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Các bị cáo ngoài làm ruộngra không thu nhập nào khác, không có tài sản gì đáng kể, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Vật chứng và các vấn đề khác:Số ma túycòn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu để hủy cùng với những vật dụng dùng để góima túy không có giá trị. Số tiền 100.000 đồng thu của bị cáoD là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Bị cáo D không quen biết người bán ma tuý cho mình, nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

[5] Án phí: Bị cáo T là người dân tộc thiểu số ở vùngđặc biệt khó khăn theo quyết định số 861/QĐ-Ttg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ, tại phiên tòa bị cáo xin được miễn án phí, nênmiễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T; bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vàokhoản 1 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS: Tuyên bốbị cáo Vàng Thị Dphạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2.Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

3. Hình phạt:

3.1. Đối với bị cáo Vàng Thị D:

Áp dụngĐiều 38,khoản 1 Điều 251, điểms khoản 1Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS: Xử phạt bị cáoVàng Thị D 02 (hai)năm 06 (sáu) thángtù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Áp dụng Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS: Xử phạt bị cáo Vàng Thị D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS: Tổng hợp hình phạt chung, bị cáo Vàng Thị D phải chịu 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/6/2022.

3.2. Đối với cáo Lò Văn T:

Áp dụng Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm skhoản 1 Điều 51 của BLHS: Xử phạt bị cáoLò Văn T01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/6/2022.

4. Vật chứng:Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu để hủy 0,33 gam Heroine và 0,06 gam Methamphetamine; 03 mảnh nilon và 01 mảnh giấy bạc;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Vàng Thị Dsố tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

(*Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng9 năm 2022 giữa Chi cục thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra*).

5. Án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

Áp dụng khoản 2 Điều 136của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Vàng Thị D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Áp dụng Điều 331 và Điều 333 BLHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản ántrong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/9/2022.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TPĐiện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an TP Điện Biên Phủ;
- Đội HSNV Công an TP Điện Biên Phủ;
- CQ THAHS Công an TP Điện Biên Phủ;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục THADS TPĐiện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ;
- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung